TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2018/DS-PT
Ngày 27- 3 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dần.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Ông Trương Công Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 08/2018/TLPT- DS ngày 22 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS - ST ngày 23/11/2017 của Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2018/QĐ-PT ngày 08/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Bà Bùi Thị Y– Sinh năm 1957.Có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn X – Sinh năm 1957. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 9, xã TH, huyện BĐ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của ông X: Bà Bùi Thị Y, có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Y: Ông Mai Quốc A – Sinh năm 1957

Địa chỉ: 144 HV, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo giấy ủy quyền ngày 09/6/2017. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Mạc Thị Thu H – Sinh năm 1967. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 10, xã TH, huyện BĐ, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Thành L. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 10, phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Đỗ Anh T – Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 6, liên gia 31, B Đ, xã C B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo giấy ủy quyền ngày 12/3/2018. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Bà Mạc Thị Thu H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Thành L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có sự quen biết nên vợ chồng bà Bùi Thị Y, ông Nguyễn Văn X có nhiều lần cho bà Mạc Thị Thu H vay tiền, cụ thể:

Lần thứ nhất: ngày 07/10/2011 vay 95.000.000 đồng

Lần thứ hai: ngày 14/12/2012 vay 80.000.000 đồng.

Lần thứ ba: ngày 26/09/2013 vay 67.000.000 đồng.

Tổng cộng ba lần vay là 242.000.000 đồng, các lần vay này được ghi vào sổ vay, bà H ký nhận đầy đủ.

Sau khi vay bà H đã trả thành nhiiều lần được 42.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Sau đó để đảm bảo và thống nhất cho số tiền vay còn lại là 200.000.000 đồng, giữa vợ chồng bà Y và bà H đi đến thống nhất cộng lại số tiền bà H còn nợ vào 01 hợp đồng vay vốn đề ngày 26/6/2014, theo đó bà H còn nợ lại vợ chồng bà Y 200.000.000 đồng, hạn trả trong vòng 01 năm, lãi suất 1,5%/tháng và bà H giao cho bà Y 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo cho số tiền vay này, đồng thời hai bên gạch xóa trong sổ vay nợ.

Trong hợp đồng vay này hai bên thống nhất đưa con bà H là ông Võ Thành L vào với tư cách là người thừa kế, nhằm mục đích nếu bà H không trả được thì ông L trả thay, còn ông Võ Thành L không trực tiếp vay tiền.

Sau khi ký hợp đồng xong, bà Y đưa cho bà H đem về để cho con bà H là ông Võ Thành L ký vào hợp đồng để hai bên đưa lên UBND xã chứng thực. Bà H cầm hợp đồng về để đưa cho ông Võ Thành L ký. Sau khi bà H đưa lại cho bà Y

hợp đồng bà Y thấy có chữ ký và họ tên Võ Thành L tại mục người thừa kế nên bà Y cùng bà H lên UBND xã T H để chứng thực. Sau đó bà H lại tiếp tục vay bà Y thêm nhiều đợt cụ thể:

- Ngày 05/7/2015 (âm lịch) vay 30.000.000 đồng.

- Ngày 21/10/2015 (âm lịch) vay 5.000.000 đồng.

- Ngày 15/12/2016 (dương lịch) vay 5.000.000 đồng.

- Ngày 21/01/2016 (âm lịch) vay 10.000.000 đồng.

- Ngày 03/03/2016 (âm lịch) vay 7.000.000 đồng.

Tổng cộng là 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà bà H nợ vợ chồng bà Y, ông X là 257.000.000 đồng.

Vào cuối năm 2016 ông Võ Thành L có gặp bà Y và xin trả thay cho mẹ anh (bà H) số tiền 100.000.000 đồng và ông L đề nghị bà Y đưa bìa đỏ cho ông để đi thế chấp vay tiền về trả hết nợ cho bà Y. Tuy nhiên, bà Y không đồng ý với lý do nếu đưa bìa đỏ cho ông Võ Thành L thì ông Võ Thành L sẽ đưa đi thế chấp nơi khác dẫn đến bà Y không thu hồi được nợ do tài sản bà H đã thế chấp nên bà Y không đồng ý.

Theo bà Y ngoài số tiền vay nêu trên bà H đang còn vay bà các khoản tiền lặt vặt nhiều lần, khi 1.000.000 đồng, khi 2.000.000 đồng, khi 4.000.000 đồng và còn nợ tiền hàng (mua thịt heo) bà có ghi ở phía dưới tờ giấy ô ly (phía trên là số tiền bà H vay có ký nhận), tuy nhiên bà không tính thêm cho bà H các khoản này, vợ chồng bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H trả đủ số tiền đã vay 257.000.000 đồng (hai trăm năm mươi bảy triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tính từ thời điểm khởi kiện

Ngày 15/6/2017 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút một phân yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất và tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu này.

Bị đơn bà Mạc Thị Thu H trình bày:

Bà chỉ nợ vợ chồng bà Y số tiền 57.000.000 đồng theo các đợt vay ngày 05/7/2015, ngày 21/01/2016, ngày 15/12/2016, ngày 21/01/2016 và ngày 03/03/2016 như bà Y đã trình bày. Còn đối với hợp đồng vay vốn ngày 16/6/2014 ghi bà nợ 200.000.000 đồng thì đây là khoản nợ tiền lãi vay từ năm 2007 đến nay nên bà không chấp nhận trả cho vợ chồng bà Y. Tuy nhiên, bà không có chứng cứ để chứng minh.

Bà cho rằng sau khi giữa bà và vợ chồng bà Y ký xong hợp đồng vay vốn thì bà Y cầm về luôn chứ không đưa cho bà cầm về để cho con bà là Võ Thành L ký và cũng không lên UBND xã ký chứng thực hợp đồng.

Các tờ giấy ghi nợ do bà Y cung cấp và đã sao gửi cho bà, cũng như Võ Thành L, trên các tờ giấy ô li có ghi các khoản nợ 95.000.000 đồng; 80.000.000 đồng; 67.000.000 đồng sau khi cân đối cộng lại, trừ các khoản đã trả còn lại 200.000.000 đồng hai bên chuyển sang hợp đồng vay vốn ngày 26/6/2014 do lâu ngày nên bà không nhớ các giấy tờ này.

Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 03/7/2017 bà làm đơn xin tạm ngừng phiên tòa và đơn yêu cầu phản tố cho rằng hợp đồng vay này bà không đi cùng bà Y đến UBND xã TH chứng thực, việc ký hợp đồng vay vốn ngày 26/6/2014 là bà bị ép buộc và đây là tiền lãi suất nên bà chỉ thừa nhận bà chỉ nợ bà Y 57.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành L trình bày:

Ông không biết hợp đồng vay vốn giữa bà Y với bà H và không ký. Vào năm 2016 ông không cầm 100.000.000 đồng để trả cho bà Y và ông cũng không đề nghị bà Y đưa cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như bà Y trình bày.

Ngày 26/6/2017 ông Võ Thành L làm đơn yêu cầu độc lập cho rằng hợp đồng vay vốn là giả mạo và kèm bản tự khai cho rằng hợp đồng vay vốn là giả nên đề nghị tuyên hợp đồng vô hiệu. Ngày 15/9/2017 ông L làm đơn yêu cầu giám định chữ ký của ông L trong hợp đồng vay vốn ngày 26/6/2014.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tuyên xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 244, Điều 162; khoản 1 Điều 147, Điều 200 và Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 290, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Y và ông Nguyễn Văn X.

Buộc bà Mạc Thị Thu H phải trả cho bà Bùi Thị Y và ông Nguyễn Văn X số tiền 257.000.000 đồng (hai trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Yvà ông Nguyễn Văn X về phần lãi suất đối với số tiền 257.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Bà Bùi Thị Yvà ông Nguyễn Văn X có trách nhiệm trả lại cho bà Mạc Thị Thu H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 051632, thửa số 204, tờ bản đồ số 1 do UBND huyện BĐ cấp ngày 28/10/2013.

Không chấp nhận đơn yêu cầu phản tố của bà Mạc Thị Thu H và đơn yêu cầu độc lập của ông Võ Thành L.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định, quyền, nghĩa vụ thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/11/2017, bị đơn bà Mạc Thị Thu H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Bùi Thị Y, ông Nguyễn Văn X vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn bà Mạc Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành L vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán ,Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua xem xét phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của bị đơn bà Mạc Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành L là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Mạc Thị Thu H và ông Võ Thành L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

[1]. Xét kháng cáo của bà Mạc Thị Thu H và ông Võ Thành L đề nghị tuyên hợp đồng vay vốn ngày 26/6/2014 vô hiệu do chữ ký tại mục người thừa kế không phải là chữ ký của ông L, HĐXX thấy rằng: Việc ông L ký tên dưới mục người thừa kế trong hợp đồng vay vốn ngày 26/6/2014 là nhằm mục đích nếu bà H không trả được nợ cho bà Y thì ông L sẽ có nghĩa vụ trả nợ thay. Tuy nhiên tại Kết luận giám định số 78/PC54 ngày 05/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Võ Thành L dưới mục người thừa kế

trong hợp đồng vay vốn lập ngày 26/6/2014 không phải là chữ ký, chữ viết của Võ Thành L. Như vậy, ông L không có nghĩa vụ liên đới phải trả nợ thay cho bà Mạc Thị Thu H với tư cách là người thừa kế. Bản án sơ thẩm cũng không buộc ông L phải có trách nhiệm trả nợ cho ông X, bà Y nên việc cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn không làm ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của ông L. Mặt khác, Hợp đồng vay vốn lập ngày 26/6/2014 giữa vợ chồng bà Bùi Thị Y, ông Nguyễn Văn X với bà Mạc Thị Thu H được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc; tại thời điểm xác lập, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đã được UBND xã T H, huyện B Đ xác nhận. Như vậy, Hợp đồng vay vốn ngày 26/6/2014 không thuộc trường hợp hợp đồng vô hiệu theo quy định của Bộ luật dân sự. Bà Mạc Thị Thu H cho rằng bị ông X, bà Y ép buộc ký vào hợp đồng, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, bà H không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, kháng cáo của bị đơn bà Mạc Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành L là không có căn cứ để chấp nhận.

[2]. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2017 (BL 22) và Biên bản hòa giải ngày 25/05/2017 (BL 30, 31), bị đơn bà Mạc Thị Thu H thừa nhận có vay của vợ chồng bà Bùi Thị Ysố tiền 200.000.000 đồng theo giấy vay nợ đề ngày 26/6/2014, sau đó bà H lại tiếp tục vay bà Y thêm nhiều đợt với tổng số tiền là 57.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà H nợ của bà Y là 257.000.000 đồng, bà H đồng ý tự chịu trách nhiệm trả cho bà Y. Sau đó bà Mạc Thị Thu H thay đổi lời khai, cho rằng thực tế chỉ nợ của vợ chồng bà Y số tiền 57.000.000 đồng. Số tiền 200.000.000 đồng theo giấy vay nợ đề ngày 26/6/2014 thực chất là tiền lãi và bà bị vợ chồng ông X, bà Y ép ký vào giấy vay nợ. Tuy nhiên, việc bà H thay đổi lời khai không được phía nguyên đơn chấp nhận, bà H cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc thay đổi lời khai của mình. Do vậy, việc cấp sơ thẩm tuyên xử buộc bà Mạc Thị Thu H phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn X, bà Bùi Thị Y số tiền 257.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của bà Mạc Thị Thu H và ông Võ Thành L cho rằng Thẩm phán cấp sơ thẩm đã cố ý ban hành bản án trái pháp luật là không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo của bà Mạc Thị Thu H cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng Thẩm phán vẫn tiến hành xét xử vụ án là vi phạm tố tụng, HĐXX thấy rằng: Ông Võ Văn S và bà Mạc Thị Thu H đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 11/2006/QĐST – HNGĐ ngày 06/10/2006, trong khi đó các khoản nợ giữa bà H với bà Y theo như đơn khởi kiện của bà Y là phát sinh từ năm 2011, còn theo lời

trình bày của bà H là từ năm 2007, đều sau thời điểm ông Huy và bà H đã ly hôn. Tại buổi làm việc ngày 14/7/2017, ông Huy cũng cho rằng khoản nợ giữa bà H với bà Y ông không biết, nên không có ý kiến gì, do đó việc cấp sơ thẩm không đưa ông S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xét xử vắng mặt ông Huy là đúng thủ tục tố tụng, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[4]. Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn bà Mạc Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành L mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí bà Mạc Thị Thu H đã nộp theo các biên lai số 0003601 và 0003602 ngày 30/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ. Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự là không chính xác mà cần sửa lại áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho đúng quy định pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Mạc Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS - ST ngày 23/11/2017 của Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn.

[2]. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Y và ông Nguyễn Văn X.

Buộc bà Mạc Thị Thu H phải trả cho bà Bùi Thị Y và ông Nguyễn Văn X số tiền 257.000.000 đồng (hai trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Yvà ông Nguyễn Văn X về phần lãi suất đối với số tiền 257.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Bà Bùi Thị Y và ông Nguyễn Văn X có trách nhiệm trả lại cho bà Mạc Thị Thu H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 051632, thửa số 204, tờ bản đồ số 1 do UBND huyện BĐ cấp ngày 28/10/2013.

Không chấp nhận đơn yêu cầu phản tố của bà Mạc Thị Thu H và đơn yêu cầu độc lập của ông Võ Thành L.

[3]. Về chi phí giám định: Ông Võ Thành L không phải chịu tiền chi phí giám định buộc bà Mạc Thị Thu H phải trả lại cho ông L 1.800.000 đồng và vợ chồng ông Nguyễn Văn X, bà Bùi Thị Y phải trả lại cho ông L 1.800.000 đồng tiền chi phí giám định.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Y, ông Nguyễn Văn X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 6.425.000 đồng tạm ứng án phí do bà Bùi Thị Y nộp theo Biên lai số 25992 ngày 10/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ.

Bà Mạc Thị Thu H phải chịu 12.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Mạc Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thành L mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí bà Mạc Thị Thu H đã nộp theo các biên lai số 0003601 và 0003602, ngày 30/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Văn Công Dần